

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

Môn học: **THỰC HÀNH MẠNG MÁY TÍNH**

Mã môn học: **TH427**

Số đơn vị học trình: **01**

Học kỳ áp dụng: **Học kỳ I - Năm học 2004-2005**

Đối tượng học: **Kỹ sư tin học, Cử nhân Lý tin – Toán tin**

(Đề cương môn học của những năm học trước đều không còn giá trị trong học kỳ này)

A. TÓM TẮT NỘI DUNG VÀ MỤC TIÊU CỦA MÔN HỌC

Mục đích: Môn học này nhằm trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về quản trị mạng Windows 2000, bao gồm các nội dung sau:

- Quản trị mạng ngang hàng với các máy tính cài đặt Windows 2000 Professional
- Quản trị mạng theo mô hình Miền với Active Directory trên Windows 2000 Server

Yêu cầu: Sau khi thực tập người học phải có được những khả năng sau:

- Trình bày được đặc điểm của các hệ điều hành thuộc họ MS-Windows
- Trình bày được kiến trúc của hệ điều hành Windows 2000
- Trình bày được những điểm mới của Windows 2000 so với các hệ điều hành trước đó
- Trình bày được sự khác biệt giữa hai mô hình mạng Workgroup và Domain
- Quản trị được hệ điều hành windows 2000 Professional ở những khía cạnh sau:
 - Biết cách thay đổi tên máy tính, tên nhóm, địa chỉ IP của máy tính
 - Phân biệt được những nhóm người dùng khác nhau của hệ thống
 - Tạo tài khoản người dùng mới
 - Thay đổi thông tin về người dùng
 - Đặt lại mật khẩu mới cho một người dùng
 - Tạo các nhóm người dùng mới và thay đổi thành viên của các nhóm người dùng
 - Trình bày được các loại quyền khác nhau trên hệ thống tập tin NTFS
 - Biết cách phân quyền trên tập tin hay thư mục cho những người dùng khác nhau
 - Trình bày được các quyền chia sẻ tập tin
 - Biết cách chia sẻ tập tin theo những quyền truy cập khác nhau
 - Tìm kiếm và truy cập được các tài nguyên được chia sẻ trên mạng
 - Phân biệt được sự khác biệt giữa Quyền trên hệ thống tập tin và quyền chia sẻ tập tin
- Cài đặt và quản trị được dịch vụ tên miền (DNS), bao gồm các nội dung cụ thể sau:
 - Trình bày được mô hình hoạt động, cách thức tổ chức của dịch vụ DNS.
 - Cài đặt dịch vụ DNS trên Windows 2000 Server
 - Tạo được Domain theo những yêu cầu khác nhau
 - Đặt tên miền cho các máy tính
 - Cấu hình máy trạm sử dụng một DNS server
 - Tìm kiếm máy tính theo tên miền

- Cài đặt và quản trị miền trên Windows 2000 Server, gồm các nội dung cụ thể sau:
 - Cài đặt được dịch vụ Active Directory
 - Đưa các máy tính trạm vào miền
 - Thiết lập và quản lý người dùng và nhóm người dùng trong miền
 - Chia sẻ tài nguyên trên máy phục vụ
 - Sử dụng tài nguyên chia sẻ trong miền từ các máy trạm
 - Tạo thư mục người dùng (Home Directory)
 - Hiện thị các sự kiện
 - Kiểm tra hệ thống

B. MÔN TIÊN QUYẾT:

- Mạng máy tính

C. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY

Sinh viên tự đọc lý thuyết có liên quan đến phần thực hành. Các buổi thực hành được thiết kế theo những chủ đề riêng vì thế sinh viên phải đi đúng buổi. Sinh viên phải đọc và chuẩn bị trước các công việc phải làm theo yêu cầu của từng buổi.

D. HÌNH THỨC ĐÁNH GIÁ

- Thi thực hành: 10 điểm

E. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Thế Bảo, Phương Lan, Microsoft Windows 2000 – Cài đặt & Quản trị, Nhà xuất bản mũi Cà Mau
2. Phạm Thế Bảo, Phương Lan, Microsoft Windows 2000 – Cài đặt & Quản trị, Nhà xuất bản mũi Cà Mau, Ấn bản dành cho sinh viên
3. [Ngô Bá Hùng, Phạm Thế Phi], Giáo trình Mạng máy tính, Khoa CNTT, 2005

F. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

Buổi	Chủ đề	Bài
1	Mạng ngang hàng với Windows 2000	1 -> 6
2	Cài đặt Active Directory	7 -> 9
3	Quản trị người dùng trong miền	10 -> 14
4	Chính sách an toàn trong miền	15 -> 18
5	Chia sẻ tài nguyên trong miền và home directory	19->25, Bài 22 và 23 làm thêm

6	Theo dõi hệ thống	26 -> 33
---	-------------------	----------

(Xem chi tiết các bài thực tập ở trang tiếp theo)

Cán bộ biên soạn

Ngô Bá Hùng

YÊU CẦU THỰC HÀNH

Buổi 1: Mạng ngang hàng với Windows 2000

Bài 1: Đổi tên máy tính, tên nhóm, địa chỉ IP của máy tính

- Khởi động hệ điều hành Windows 2000 Professional
- Nhấp tổ hợp phím Ctrl-Alt-Del để đăng nhập vào máy với tài khoản người quản trị:
 - User Name: Administrator
 - Password: <Giáo viên hướng dẫn cung cấp>
- Nhấp chuột phải lên biểu tượng My Computer \ Chọn Properties \ Chọn Network Identification \ Chọn Properties để mở cửa sổ Identification Changes cho phép thay đổi thông tin về Tên (Computer Name) và tên Miền (Domain) hay Tên nhóm (Workgroup):
 - Hãy đổi tên máy thành: PZZMX, Với ZZ là số hiệu của phòng mà bạn đang thực tập, X là số thứ tự của máy tính trong phòng. Ví dụ bạn đang ngồi ở máy số 10 phòng P3.2 thì tên máy của bạn sẽ là: P32M10
 - **Đổi tên nhóm (Workgroup) thành: NhomN, với N là số thứ tự nhóm thực tập của bạn**
- Chọn Menu Start \ Settings \ Control Panel \ Network and Dial-up Connections \ Local Area Connection \ Properties \ Internet Protocol \ Properties để mở cửa sổ cấu hình địa chỉ IP cho máy tính:
 - Đặt địa chỉ IP của máy là: 192.168.N.X, Với N là số thứ tự của nhóm thực hành của bạn, X là số thứ tự của máy tính bạn đang ngồi. Ví dụ bạn thuộc nhóm 2 và đang ngồi ở máy số 10, khi đó sẽ đặt địa chỉ IP là 192.168.2.10

Bài 2: Tạo tài khoản cục bộ

- Đăng nhập vào máy tính Windows 2000 Professional với tài khoản Administrator.
- Chọn Menu Start \ Settings \ Control Panel \ Administration Tools \ Computer Management để mở cửa sổ **Computer Management** cho phép quản trị máy tính hiện tại:
 - Mở thư mục System Tools \ Local User and Groups \ Users:
 - Liệt kê danh sách những người dùng đang có trong hệ thống.
 - Nhấp chuột phải lên thư mục Users \ Chọn New để mở cửa sổ New User cho phép tạo người dùng mới
 - Giả sử bạn tên là Nguyễn Thành Thật, hãy tạo tài khoản cho bạn với các thông tin sau:
 - User name: ntthat
 - Full name: Nguyen Thanh That
 - Description: Sinh vien thuc tap
 - Password: <Tuy chọn của bạn>
 - Là thành viên của nhóm Administrator (Chọn thẻ Member of)
- Logoff ra khỏi hệ thống (Chọn Start \ Shutdown \ Log off ...)

- Đăng nhập lại với tài khoản: ntthat vừa được tạo
- Tạo thêm hai tài khoản mới:
 - Tài khoản có tên **user** thuộc nhóm Users
 - Tài khoản **superman** thuộc nhóm Power Users
- Lần lượt đăng nhập vào hệ thống bằng các tài khoản **user** và **superman**. Mỗi lần đăng nhập thực hiện việc sửa đổi giờ hệ thống. Ghi nhận lại trường hợp nào thành công, trường hợp nào thất bại.

Bài 3: Thay đổi thông tin về tài khoản

- Đăng nhập vào máy Windows 2000 Professional bằng tài khoản Administrator
- Mở cửa sổ Computer management \ Mở thư mục **Users**. Nhấp chọn lên tài khoản user đã tạo:
 - Nhấp chuột phải lên người dùng **user** \ Chọn Set password để đặt lại mật khẩu mới cho người dùng này.
 - Thay đổi Full Name của người dùng superman thành Người Siêu Dạng và đặt thuộc tính yêu cầu người superman phải thay đổi mật khẩu kể từ lần đăng nhập kế tiếp
 - Lần lượt đăng nhập vào hệ thống bằng các tài khoản user và superman.

Bài 4: Quản trị nhóm cục bộ

- Đăng nhập vào máy Windows 2000 Professional bằng tài khoản Administrator
- Mở cửa sổ **Computer Management** cho phép quản trị máy tính hiện tại:
 - Mở thư mục System Tools \ Local User and Groups \ Group:
 - Hãy liệt kê các nhóm đang có trong hệ thống
 - Liệt kê tên các thành viên của nhóm Administrators
 - Nhấp chuột phải lên thư mục Group \ Chọn New Group để mở cửa sổ **New Group** cho phép tạo một nhóm mới:
 - Hãy tạo nhóm có tên **SinhVien** và đưa các tài khoản đã tạo ở **Bài 2** làm thành viên của nhóm này.

Bài 5: Quyền trên hệ thống tập tin NTFS

- Đăng nhập vào máy Windows 2000 Professional bằng tài khoản Administrator
- Tạo thư mục D:\NhomN , với N là số thứ tự nhóm thực tập của bạn
- Nhấp chuột phải lên thư mục D:\NhomN \ Properties \ Security để mở cửa sổ cho phép thông tin về quyền trên thư mục này:
 - Hãy cho biết người dùng và nhóm người dùng nào có quyền gì trên thư mục D:\NhomN
 - Bỏ dấu chọn trên tùy chọn Allow inheritable from parent to propagate to this object và chọn Copy để loại bỏ các quyền thừa hưởng từ thư mục cha.
 - Loại bỏ nhóm Everyone ra khỏi danh sách nhóm có quyền trên thư mục D:\NhomN.
 - Trên thư mục D:\NhomN:
 - Cho superman có quyền Modify, Write, Read & Execute, List folder content
 - Administrator có quyền Full Control
- Lần lượt đăng nhập vào hệ thống bằng các tài khoản user, superman. Mỗi lần đăng nhập thực hiện việc tạo một thư mục con bất kỳ trong thư mục D:\NhomN. Ghi nhận lại trường hợp thành công và trường hợp thất bại.
- Đăng nhập trở lại bằng tài khoản Administrator
- Trên thư mục D:\NhomN phân thêm cho nhóm **SinhVien** đã tạo ở Bài 4 quyền Write, Read & Execute,
- Đăng nhập trở lại bằng tài khoản user. Tạo một thư mục con trong thư mục D:\NhomN. Ghi nhận lại kết quả thành công hay thất bại.

Bài 6: Chia sẻ dữ liệu

- Đăng nhập vào Windows 2000 Professional bằng tài khoản Administrator

- Tạo thư các thư mục D:\NhomN\public, D:\NhomN\softs, D:\NhomN\SinhVien, D:\NhomN\superman
- Chia sẻ các thư mục trên như sau:

Thư mục	Người/Nhóm người	Full	Change	Read
D:\NhomN\public	Everyone	x		
D:\NhomN\softs	Everyone			x
	superman		x	x
D:\NhomN\SinhVien	SinhVien		x	x
D:\NhomN\superman	superman		x	x

(**HD:** Để chia sẻ một thư mục nhấp chuột phải lên thư mục \ chọn Sharing \ Chọn Share this folder. Nhập tên mà thư mục này sẽ được nhìn thấy từ các máy khác trong ô Share name. Chọn Permissions để phân quyền chia sẻ cho thư mục này)

- Lần lượt đăng nhập vào máy tính với các tài khoản user, superman. Mỗi lần như thế truy xuất đến 4 thư mục được chia sẻ trên máy của bạn là public, softs, SinhVien, superman và thực hiện việc tạo thư mục con trong các thư mục này. Ghi nhận lại trường hợp thành công và trường hợp thất bại.
- Lưu ý: Truy cập đến 4 thư mục được chia sẻ này bằng tiện ích : My Network Places.

Buổi 2: Cài đặt DNS và Active Directory

Bài 7: Cài đặt và cấu hình dịch vụ DNS

- Yêu cầu: Hai sinh viên ngồi cạnh nhau kết hợp lại thành một cặp, một máy tính khởi động Windows 2000 Server, một máy tính khởi động Windows 2000 Professional.
- Đăng nhập vào Windows 2000 Server với tài khoản Administrator
- **Đổi tên máy tính và địa chỉ IP của server theo qui tắc của bài số 1**
- Cài đặt dịch vụ DNS (Tham khảo tài liệu chi tiết)
- Tạo Domain theo nguyên tắc sau:
 - Kiểu: Standard Primary
 - Forward Domain: XY.nhomN.cit, với X và Y là số hiệu của hai máy tính tạo thành cặp.
 - Thêm vào tên máy tính cho hai máy tính trong cặp của bạn và các máy tính khác
- Đăng nhập vào Windows 2000 Professional trên máy tính còn lại với tài khoản Administrator
 - Khai báo sử dụng DNS server vừa cài đặt
 - Ping đến một trong những máy tính đã được đặt tên trong miền

Bài 8: Cài đặt Active Directory

- Đăng nhập vào Windows 2000 Server với tài khoản Administrator.
- Cài đặt Active Directory cho Domain đã tạo ở **Bài 7**.
 - \Start \run \depromo (Tham khảo tài liệu chi tiết)
- Thực thi chương trình Active Directory Users And Computer:
 - Click Start, Programs\Administrative Tools\ Active Directory Users and Computers
 - Khảo sát cây thư mục Active Directory Users And Computers, liệt kê các thành phần đang có trong cây thư mục này
- Đưa máy tính Windows 2000 Professional vào miền vừa tạo:

- Đăng nhập vào Windows 2000 professional muốn đưa vào miền bằng tài khoản Administrator
 - Nhấp chuột phải lên biểu tượng My Computer \ Chọn Properties \ Chọn Network Identification \ Chọn Properties để mở cửa sổ Identification
 - Chọn Domain, nhập tên của Miền muốn đưa máy tính vào (tên miền theo kiểu cũ). Nhập tài khoản mật khẩu của người dùng trong Miền có quyền đưa máy tính vào miền. Trong trường hợp này hãy nhập tài khoản Administrator của miền.
- Trên Windows 2000 Server, tìm lại máy tính Windows 2000 Profession vừa đưa vào miền trên cây thư mục Active Directory Users And Computer; trong thư mục Computer

Bài 9: Khảo sát cây thư mục AD

Trong bài học này bạn sẽ sử dụng AD để hiển thị các thiết đặc mặc định trên các tài khoản người dùng mới được tạo ra. Bạn sẽ tạo một số các đơn vị tổ chức (OU – Organization Unit). Một đơn vị tổ chức đóng vai trò như một nơi chứa đựng các đối tượng như người dùng chẳng hạn.

1. Đăng nhập vào Windows 2000 Server với tài khoản Administrator
2. Click Start, Programs\Administrative Tools\ Active Directory Users and Computers.
3. Double-click the **Builtin** object.

Cho biết tên các nhóm mặc định và kiểu của chúng?

4. Double-click the **Administrators** group, Chọn thẻ Member. Ai là thành viên của nhóm Administrators?

5. Double-click lên nhóm **Users**. Click lên thẻ *Managed By*. Click *Change*. Một danh sách các tài khoản được liệt kê. Điều này có nghĩa là bạn có thể gán quyền quản trị lên một nhóm. Click *Cancel*.

7. Click lên biểu tượng của Miền để chọn nó.

8. Click chuột phải lên đối tượng **Users** và chọn Properties. Ghi nhận lại các thông tin hiển thị. Click *Cancel*.

9. Click chuột phải lên đối tượng **Users** và chọn View, Advanced Features.

10 Click chuột phải lên đối tượng **Users** và chọn Properties. Chọn thẻ *Security*. Ghi nhận lại người nào có quyền gì trên đối tượng Users này.

12. Click *Cancel*.

Buổi 3: Quản trị người dùng trong miền

Bài 10: Tạo các đơn vị tổ chức

Tạo các đơn vị tổ chức cho phép bạn đặt người dùng trực tiếp vào trong các đơn vị này và thực hiện việc gán quyền dựa trên các đơn vị này. Điều này cho phép việc quản trị được linh hoạt hơn vì ta có thể thực hiện việc phân cấp quản lý.

Khi một người dùng nào đó thay đổi đơn vị làm việc, ta chỉ cần chuyển tài khoản của họ sang đơn vị tổ chức mới tương ứng nhờ đó họ có đủ các quyền cần thiết cho công việc của đơn vị mới.

1. Đăng nhập vào Windows 2000 Server với tài khoản Administrator
2. Click Start, Programs\Administrative Tools\Active Directory Users and Computers.
3. Trên thanh menu, chọn *Action, New, Organizational Unit* để tạo 3 đơn vị tổ chức mới có tên là: **Sales, Marketing** và **Production**.

Bài 11: Tạo tài khoản người dùng trong các đơn vị tổ chức

Để dễ dàng cho việc quản trị, ta nên tạo người dùng trong các đơn vị tổ chức hơn là để họ trong nhóm Users tổng quát.

1. Đăng nhập vào Windows 2000 Server với tài khoản Administrator

2. Click **Start, Programs\Administrative Tools\Active Directory Users and Computers**.
3. Chọn OU **Sales** đã được tạo ra trong Bài 10.
4. Tạo các tài khoản cho **Jon** và **Linda** thuộc OU này bằng các bước sau:
 - Click chuột phải trên OU Sales và chọn New\User trên menu
 - Nhập các thông tin chi tiết sau cho Jon

First Name	Last Name	Full Name	User logon name
Jon	Lyons	Jon Lyons	jon.lyons

- Click Next
- Nhập mật khẩu là *jon*. Chọn Check boxes “User cannot change password” và “Password never expires”, rồi chọn Next.
- Chọn Finish để tạo người dùng mới Jon.
- Tiếp tục tạo người dùng thứ hai *Linda* có các thuộc tính sau:

First Name	Linda
Last Name	Seconi
Full Name	Linda Seconi
User logon name	linda.seconi
Password	linda
User cannot change password	
Password never expires	

5. Tạo tài khoản người dùng trong OU **Marketing** theo các thông tin sau:

First Name	Joe
Last Name	Smith
Full Name	Joe Smith
User logon name	joe.smith
Password	joe
User cannot change password	
Password never expires	

6. Tạo 3 tài khoản người dùng trong OU **Production** theo các thông tin sau:

First Name	Sam
Last Name	Jones
Full Name	Sam Jones
User logon name	sam.jones
Password	sam
User cannot change password	
Password never expires	

First Name	Sue
Last Name	Brown
Full Name	Sue Brown
User logon name	sue.brown
Password	sue
User cannot change password	
Password never expires	

First Name	Bob
Last Name	Addy
Full Name	Bob Addy
User logon name	bob.addy
Password	bob
User must change password at next logon	
Account is disabled	

- Click chuột phải lên người dùng *Bob Addy* và chọn Move để chuyển sang OU **Sales**.
- Mở rộng OU **Sales** để kiểm tra người dùng *Bob Addy* có là thành viên không.

Bài 12: Xem thông tin mặc định về một tài khoản người dùng

Sau khi đăng nhập vào miền với tài khoản Administrator và mở công cụ Active Directory Users and Computers, hãy thực hiện các công việc sau:

- Double-click lên người dùng *Bob Addy* trong OU **Sales**.
- Nhập vào các thông tin chi tiết sau:

Office	D202
Telephone Number	9708939
E-Mail	bob.addy@domain.com
Title (Organization)	Mr.
Department	Information Technology
Company	Acme Computing

- Click OK để chấp nhận thay đổi.
- Double-click lên người dùng *linda.seconi* trong OU **Sales**, ngăn cấm giờ đăng nhập vào miền từ thứ hai đến thứ sáu, từ 8am đến 5pm (Chọn thẻ Account \ Logon Hours...)
- Log off ra khỏi server
- Logon vào miền với tài khoản *linda.seconi* từ máy Windows 2000 Professional. Thành công hay thất bại? Có thông báo gì hiển thị ra? Nếu không thể đăng nhập được, hãy cho biết lý do.
- Bạn có thể đăng nhập vào miền với các tài khoản khác mà bạn đã tạo? là những tài khoản nào?

Bài 13: Gán điều khiển (Delegating Control)

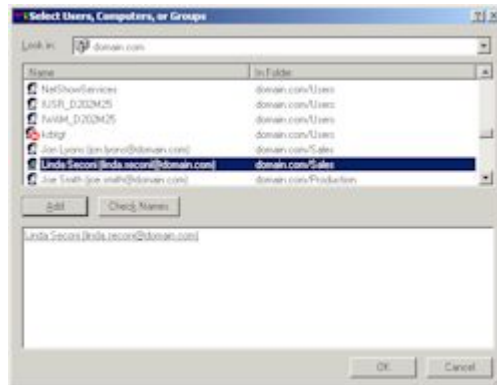
Trong bài tập này bạn sẽ cho *Linda.Seconi* thành người quản trị của OU **Sales**. Khi đã trở thành nhà quản trị của OU **Sales**, cô ấy có thể thay đổi các tài khoản người dùng trong OU **Sales**.

- Đăng nhập vào Windows 2000 Server với tài khoản Administrator

2. Chạy công cụ Active Directory for Users and Computers
3. Mở miền hiện tại
4. Nhấp chuột phải lên OU Sales và chọn Delegate Control.
5. Trên form Delegation of Control Wizard chọn Next



6. Click nút Add để hiển thị danh sách người dùng và nhóm người dùng.



7. Chọn người dùng Linda.Seconi và Click nút Add, kế tiếp Click nút Next.
8. Cấp các quyền như hình dưới.

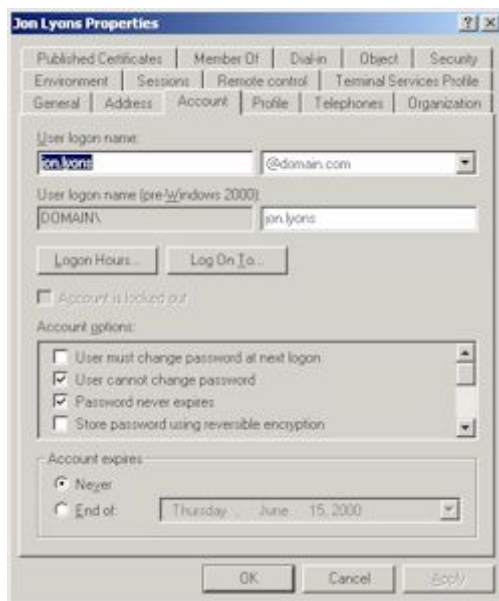


9. Click Finish.

Bài 14: Quản trị người dùng trong một đơn vị tổ chức

Trong phần này bạn sẽ đăng nhập vào miền với tài khoản Linda.Seconi và thực hiện việc quản trị người dùng.

1. Đăng nhập vào Windows 2000 Server với tài khoản của Linda.Seconi. Bạn sẽ nhận được thông báo lỗi vì mặc nhiên người dùng bình thường không được phép đăng nhập vào miền từ máy Server
2. Để cho phép người dùng trong miền có thể đăng nhập vào server hãy thực hiện các bước sau:
 - Đăng nhập với tài khoản Administrator
 - Click Start, Programs\Administrative Tools\Domain Controller Security Policy
 - Chọn thư mục Security setting \ Local Policies \ User Right Assigment
 - Trên cửa sổ bên phải hãy nhấp đúp vào Log on Locally
 - Bấm nút Add, Chọn nút Browse \ chọn Domain Users, Bấm nút Add, Bấm nút OK
 - Bấm nút OK , rồi bấm nút OK và thoát
 - Khởi động lại Server
3. Đăng nhập vào Windows 2000 Server với tài khoản Linda.Seconi
Thực thi công cụ Directory for Users and Computers.
4. Chọn OU Sales.



- Double-click lên người dùng Jon Lyons.
- Click lên thanh Account.
- Double-click vào nút Logon Hours và thay đổi giờ đăng nhập của Jon thành từ 8am đến 5pm từ thứ hai đến thứ sáu.
- Click Ok.

5. Việc thay đổi trên có thành công không ?
6. Chọn OU Marketing. Double-click lên tài khoản người dùng Sam Jones để hiển thị các thuộc tính của người dùng này.
7. Thử thay đổi giờ đăng nhập của người dùng này. Thông báo gì sẽ xuất hiện?
8. Giải thích tại sao bạn không thể thay đổi tài khoản này?
9. Chọn OU Sales. Click chuột phải trên tài khoản Jon Lyons và chọn Reset.



- Cửa sổ bên cho phép bạn đặt lại mật khẩu cho Jon Lyons.
- Click Cancel.

10. Log off ra khỏi tài khoản Linda.Seconi.

Buổi 4: Chính sách an toàn trong miền

Bài 15: Tìm hiểu kiểu nhóm và phạm vi của nhóm (Exploring Group Scopes and Types)

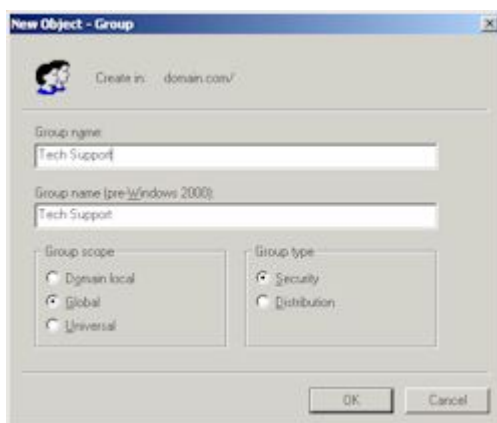
Trong bài tập này bạn sẽ tạo một số nhóm. Những nhóm này được sử dụng để minh họa phạm vi của nhóm. Phạm vi nhóm xác định ai có thể là thành viên của nhóm và nơi mà nhóm đó có thể được sử dụng trong công ty.

Kiểu nhóm (Group Type)	Phạm vi (Scope)
Local	Chứa User accounts, Global groups and Universal groups từ bất kỳ miền nào trong rừng cũng như các local groups trong cùng một miền.
Global	Chứa User accounts và global groups trong cùng một miền.
Universal	Chứa User accounts, global groups và universal groups từ bất kỳ miền nào trong rừng.

Chiến lược được đề nghị cho việc sử dụng các nhóm trong Windows 2000 là sử dụng cả global group và domain local groups. Đặt người dùng vào trong global groups, kể đến đặt global groups vào trong domain local groups và gán quyền cho domain local groups.

Global groups có các truy cập vào các tài khoản trong local domain. Khi công ty có nhiều hơn một domain, local groups cho phép sử dụng các tài khoản trên tất cả các Domain. Khi công ty liên kết nhiều domain thành một rừng, Universal groups cho phép truy cập đến bất kỳ tài khoản nào trong rừng.

1. Đăng nhập vào Windows 2000 Server với tài khoản Administrator.
2. Thực thi chương trình Active Directory for Users and Computers.
3. Click chuột phải trên biểu tượng miền và chọn New Group.
4. Tạo một domain global group có tên là “Tech Support”.



- Kiểm tra Group scope được chọn là domain global.
- Kiểm tra Group type được chọn Security.
- Click Ok.

5. Thêm Sue vào nhóm Tech Support:

Double-click lên nhóm Tech Support, click thanh Members, chọn Sue và kế đến chọn nút Add.

6. Tạo một domain local group có tên là “Intranet Users”.
7. Mở cửa sổ Properties của nhóm Tech Support.

8. Thêm nhóm “Intranet Users” như là một thành viên của nhóm Tech Support. Điều gì xảy ra?
9. Giải thích lý do?
10. Mở cửa sổ Properties của nhóm Intranet Users.
11. Thêm nhóm Tech Support như là thành viên của Intranet Users. Điều gì xảy ra?
12. Giải thích lý do ?
13. Log off ra khỏi miền.

Bài 16: Tạo một chính sách nhóm (Creating a group policy)

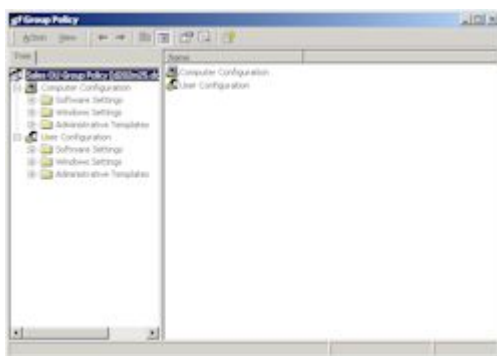
Các chính sách nhóm là những thiết đặc hay những cấu hình mà chúng có thể được áp dụng vào cho những người dùng, nhóm người dùng, các đơn vị tổ chức hay các miền. Một Administrator có thể tạo một Group Policy để cấu hình cho một máy tính hay các thiết đặt cho người dùng như màn hình desktop, thư mục, mật khẩu mặc định.

1. Đăng nhập vào Windows 2000 Server với tài khoản Administrator.
2. Thực thi chương trình Active Directory for Users and Computers
3. Mở domain và click vào OU Sales. Chọn Properties
4. Click vào thẻ Group Policy



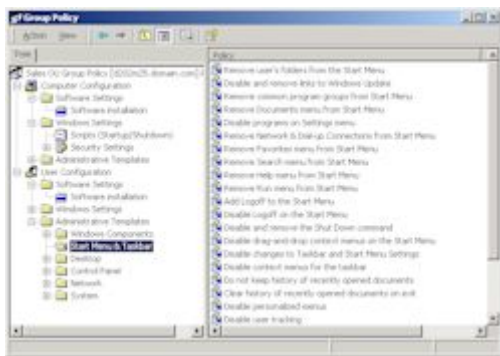
- Click nút **New**.
- Đổi tên policy thành **Sales OU Group Policy**.

5. Chọn **Sales OU Group Policy** và click nút **Edit**.
6. Cửa sổ Group policy được mở.



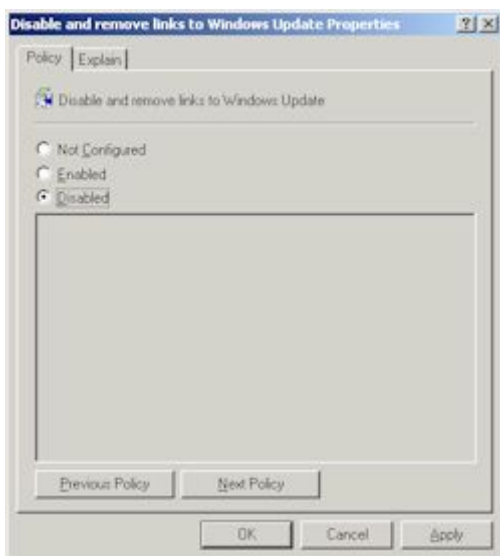
Cửa sổ này cho phép thiết đặt các thông số cho người dùng và máy tính.

7. Mở thư mục **Administrative Templates**. Mở tiếp thư mục **Start Menu & Taskbar**.



- Một danh sách các chọn lựa được hiển thị. - Nhấp đúp lên tùy chọn **Disable and remove links to Windows Update Properties**.

8. Hộp hội thoại sau mở ra



- Click nút **Disabled** button để khóa thiết đặt này.
- Click **OK**.
Thiết đặt lúc này xuất hiện với trạng thái bị khóa (Disabled) trong cửa sổ Group Policy Editor.

9. Cấu hình các thiết đặt sau:

- Remove Run menu from Start Menu: Enabled
- Desktop\Active Desktop\Enable Active Desktop: Enabled
- Active Desktop Wallpaper: Enabled
- Wallpaper Name c:\winnt\surf.bmp

10. Đóng cửa sổ Group policy editor.
11. Đóng cửa sổ Properties của OU Sales.
12. Đóng Active Directory users and computers.

Bài 17: Kiểm tra chính sách nhóm (Testing the Group Policy)

Trong bài số 16, chính sách nhóm vừa được áp dụng cho các thành viên trong OU Sales. Có hai thành viên là Linda.Seconi và Jon Lyons. Bạn sẽ kiểm tra chính sách này để hiểu rõ hoạt động của nó.

1. Log on vào Server với tài khoản Linda.Seconi
2. Có wallpaper hiển thị ?
3. Trên thanh menu start có mục RUN command không?
4. Logon vào Windows 2000 Professional với tài khoản Jon.Lyons
5. Có wallpaper hiển thị và có RUN command trên thanh menu Start?
6. Log off khỏi Windows 2000 Professional và Windows 2000 Server.
7. Logon vào Windows 2000 Professional bằng tài khoản Joe.Smith
8. Chính sách nhóm có tác dụng không?

9. Nếu không, tại sao ?

10. Log off ra khỏi Windows 2000 Professional.

Bài 18: Dừng áp dụng một chính sách nhóm (Disabling the Group Policy)

1. Đăng nhập vào Server với tài khoản Administrator. Thực thi chương trình Active Directory for Users and Computers.

2. Truy cập vào cửa sổ Properties của OU Sales và chọn Group Policy. Click vào nút **Options**.



Chọn tùy chọn Disabled để dừng việc áp dụng chính sách nhóm.



Click **Ok** để xác nhận.

3. Log off ra khỏi tài khoản Administrator.

4. Log on vào miền với tài khoản Linda.Seconi để kiểm tra xem chính sách nhóm còn tác dụng không.

5. Chính sách nhóm đã hết hiệu lực ?

6. Log off khỏi server.

Buổi 5: Chia sẻ tài nguyên trong miền và home directory

Bài 19: Tạo và chia sẻ tài nguyên sử dụng bằng Windows Explorer (Creating and sharing a resource using Windows Explorer)

Trong bài tập này, bạn sẽ sử dụng Explorer để tạo thư mục và kiểm tra quyền tập tin NTFS. Thư mục sẽ được chia sẻ với những quyền khác nhau. Bạn sẽ truy cập tài nguyên được chia sẻ này từ các máy tính trạm.

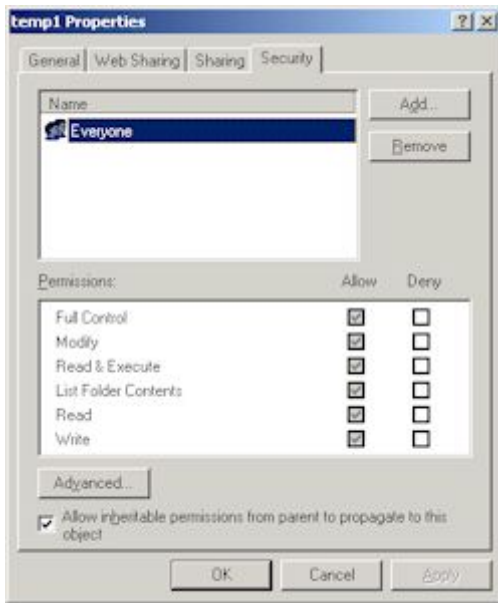
1. Log on vào Server với tài khoản Administrator.

2. Sử dụng Active Directory for Users and Computers để thêm Joe.Smith, Linda.Seconi và Sam.Jones vào nhóm Intranet Users.

3. Mở cửa sổ Windows Explore (Click chuột phải lên biểu tượng My Computer, chọn Explorer).

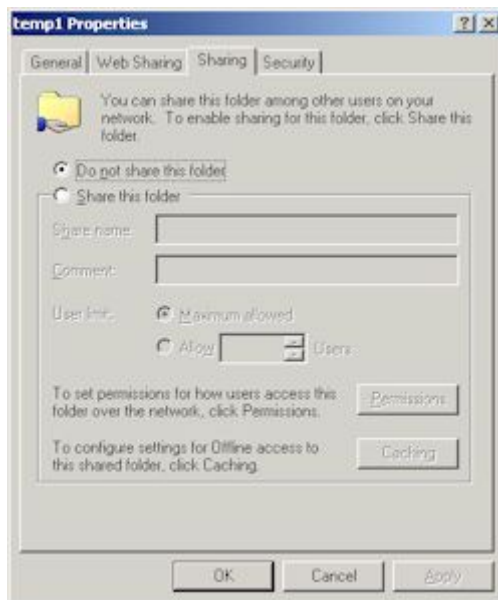
4. Truy cập vào đĩa D và Tạo thư mục có tên là tempX (Trong đó X là số hiệu máy của bạn).

5. Nhấp chuột phải trên thư mục tempX và chọn **Properties**.



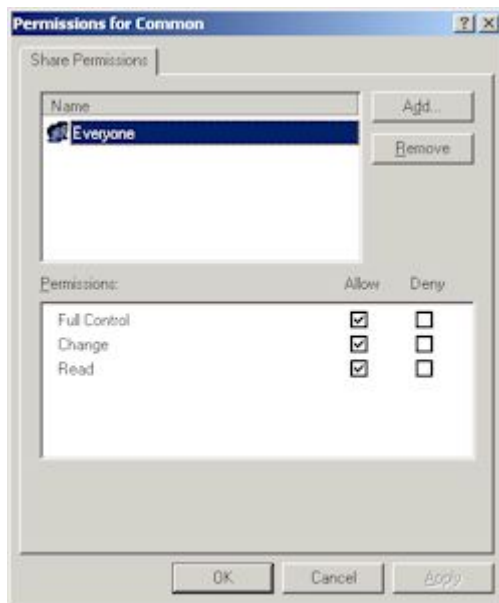
- Chọn thẻ **security**. Một danh sách các quyền trên thư mục được trình bày lên. Trong đó nhóm Everyone có quyền là Full Control.
- Click **OK**.

6. Nhấp chuột phải lên thư mục tempX và chọn Sharing.



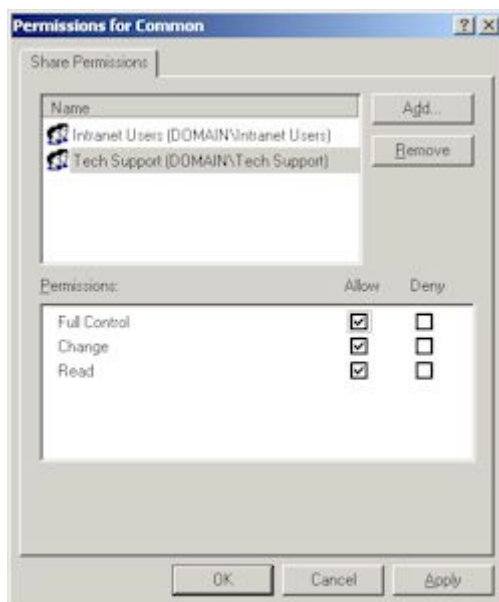
- Chọn tùy chọn **Share this folder**.
- Mô tả tên chia sẻ là **Common**.
- Click nút **Permissions**.

7. Hãy hạn chế mức độ truy cập vào thư mục chia sẻ này. Lưu ý quyền của một người dùng đối với một tài nguyên mạng thì được hình thành từ quyền chia sẻ và quyền trên hệ thống tập tin.




- Remove nhóm Everyone.
- Click nút Add và chọn nhóm Tech Support với quyền Full Control.
- Click nút Add và chọn nhóm Intranet Users với quyền Read.

8. Quyền chia sẻ lúc đó như hình dưới



Sau khi đã thiết đặt các quyền mong muốn, click OK để đóng hộp hội thoại.

9. Trong cửa sổ Explorer bạn sẽ thấy biểu tượng một bàn tay nhỏ  temp1 trên thư mục d:\tempX, thể hiện thư mục đó đang được chia.

10. Log off ra khỏi Server.
11. Log on vào máy trạm với tài khoản Linda.Seconi
12. Sử dụng My Network Places, tìm server có thư mục đã chỉ sẻ.
13. Double-click lên thư mục chia sẻ **Common**.
14. Thử tạo một tập tin trong thư mục **Common**, bằng cách nhấp chuột trong cửa sổ, chọn New rồi Text Document.
15. Có thể tạo được tập tin không ?
16. Nếu không, tại sao ?
17. Log off ra khỏi máy trạm.
18. Đăng nhập lại vào máy trạm với tài khoản Sue.Brown

19. Thay vì sử dụng My network places, chúng ta có thể thực hiện việc ánh xạ một ổ đĩa đến một tài nguyên được chia sẻ. Đây là một cách khác để truy cập đến các tài nguyên, tuy nhiên nó đòi hỏi bạn phải biết được trước vị trí của tài nguyên.

20. Nhấp chuột phải lên biểu tượng My Computer và chọn Map Network Drive.

21. Nhập vào vị trí của tài nguyên muốn truy cập đến vào hộp hội thoại.



- Bạn phải mô tả tên của Server và tên của tài nguyên được chia sẻ.

Trong trường hợp này là \\ServerName\common.

- Click Finish.

22. Thử tạo một tập tin trong thư mục **Common**

23. Có thể thực hiện thành công ?

24. Nếu không, tại sao?

25. Log off ra khỏi máy trạm.

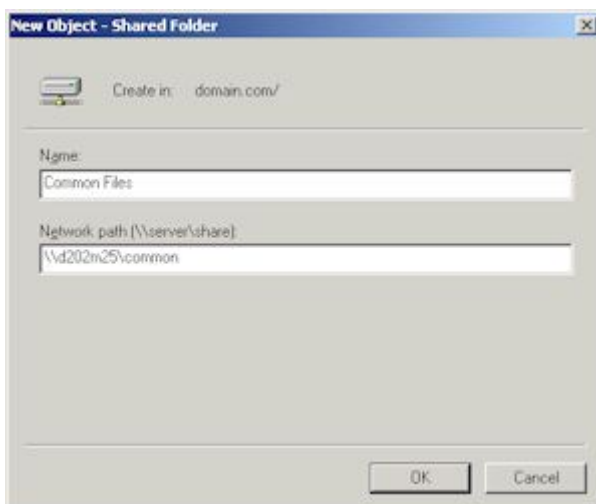
Bài 20: Công bố một tài nguyên được chia sẻ trong một AD (Publishing a shared resource in Active Directory)

Việc chia sẻ thư mục theo kiểu truyền thống sẽ mất thời gian để tìm kiếm khi muốn truy cập đến nó. Đối với Windows 2000, nó cho phép một tài nguyên có thể công bố trong AD nhờ đó dễ dàng hơn trong việc tìm kiếm chúng.

1. Log on vào Server với tài khoản Administrator.

2. Thực thi chương trình Active Directory for Users and Computers.

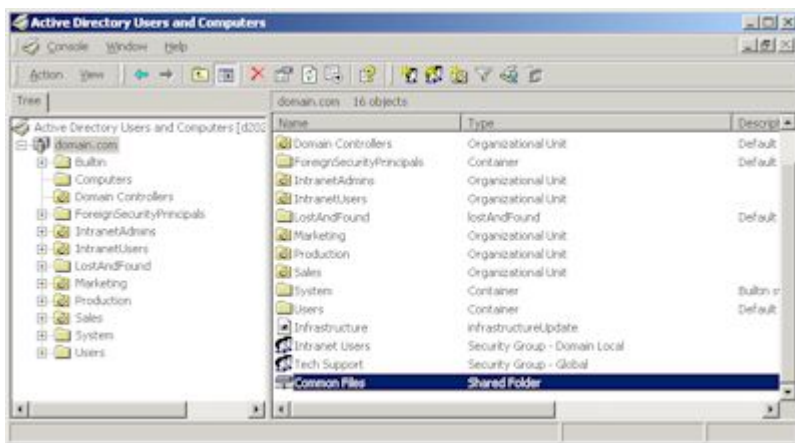
3. Nhấp chuột phải lên tên của domain rồi chọn New \ Shared Folder.



- Nhập tên, chẳng hạn **Common Files** và địa chỉ trên mạng của tài nguyên, bao gồm tên server và tên chia sẻ.

- Click OK.

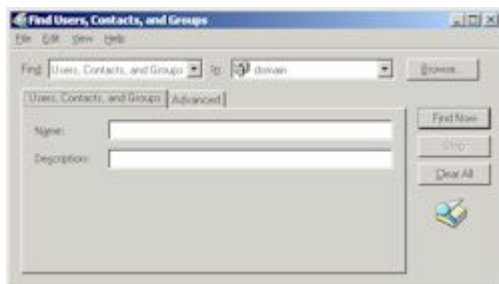
6. Thư mục mới được chia sẻ xuất hiện trong khung bên phải của cửa sổ AD.



Bài 21: Định vị một tài nguyên được chia sẻ trong AD (Locating a shared resource in Active Directory)

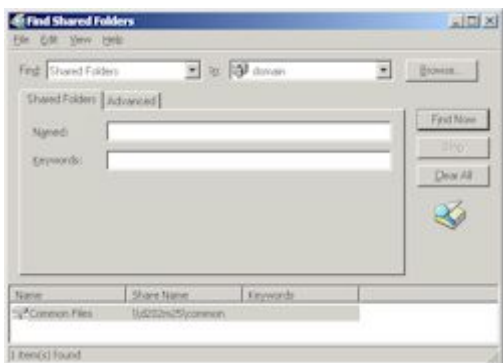
Các thư mục được chia sẻ và được công bố trong AD có thể dễ dàng định vị và nối kết đến.

1. Log on vào máy trạm với tài khoản Linda.Seconi.
2. Thực hiện chương trình Active Directory for Users and Computers.
3. Nhấp chuột phải trên biểu tượng của miền và chọn Find.



- Trong hộp menu chọn lựa Find, chọn **Shared folders**.
- Click **Find Now**.

4. Một danh sách các thư mục được chia sẻ sẽ được trình bày.



- Nhấp chuột phải lên thư mục được chia sẻ Common Files và chọn Map Network Drive.



- Chọn ký tự cho ổ đĩa ánh xạ đến thư mục chia sẻ.
- Lưu ý, để tránh nối kết đến thư mục một cách tự động khi đăng nhập vào, hãy bỏ dấu check trong tùy chọn : Reconnect at logon.
- Click **Finish**.

5. Bạn đã nối kết được đến tài nguyên chia sẻ.

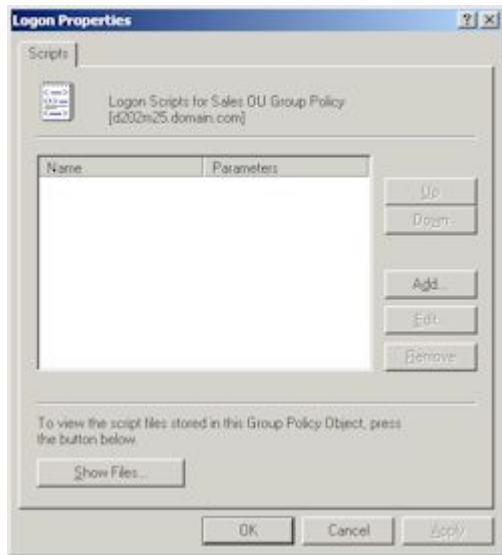
Bài 22 : Tạo các tập tin kịch bản đăng nhập (Logon Scripts)

Một logon script là một chuỗi các lệnh được thực thi khi người dùng đăng nhập vào mạng.

1. Log on vào Server với tài khoản Administrator.
2. Thực thi chương trình Active Directory for Users and Computers.
3. Nhấp chuột phải lên OU Sales và chọn **Properties**.
4. Chọn thẻ Group Policy và chọn nút Edit để biên soạn Group Policy cho OU Sales.
5. Mở thư mục User Configuration \ Administrative Templates \ System \ Logon/Logoff.

Bật tùy chọn Run Logon Scripts Visible.

6. Mở thư mục User Configuration\ Windows Settings\ Scripts và nhấp đúp vào Logon.



7. Nhấp chuột phải bên trong cửa sổ và chọn New \ Text Document. Đổi tên thành **Sales.cmd**

8. Nhấp chuột phải lên tập tin Sales.cmd và chọn Edit. Điều này sẽ gọi trình soạn thảo Notepad. Nhập dòng sau đây vào tập tin.

```
REM this is a log on script for the Sales OU  
Echo Welcome %USERNAME%, member of the Sales OU  
Pause
```

9. Chọn Save và đóng Notepad.

10. Chọn nút Add trong cửa sổ Logon Properties. Nhập **Sales.cmd** như là tên của script và nhấp **OK**.

11. Click **OK** để đóng cửa sổ Logon Properties.

12. Click **OK** để đóng cửa sổ Sales Properties.

13. Đóng chương trình Active Directory for Users and Computers.

Bài 23: Kiểm tra Login Script (Testing the logon script)

1. Đăng nhập vào máy tính trạm với tài khoản Linda.Secondi
2. Login script có thực hiện không ?
3. Nếu có, thông tin gì đã hiển thị?
4. Nếu Login Script không thực hiện, theo bạn tại sao?
5. Log off khỏi máy trạm.
6. Log on lại vào máy trạm với tài khoản Sue.Brown
7. Logon script có thực hiện không ?
8. Nếu không, theo bạn tại sao?
9. Log off ra khỏi máy tính

Bài 24: Home Directories

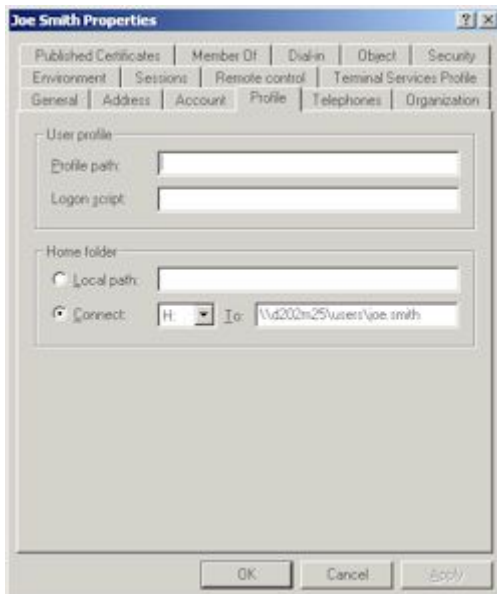
Trong bài tập này, bạn phải tạo ra một thư mục được chia sẻ trên Server và nó sẽ được sử dụng để làm thư mục người dùng (Home Directory). Bạn sẽ ánh xạ các thư mục người dùng cho những người dùng tương ứng nhờ thế khi họ đăng nhập vào mạng họ có một ổ đĩa ánh xạ đến thư mục người dùng của họ trên Server.

1. Log on vào server với tài khoản Administrator.
2. Thực thi chương trình Active Directory for Users and Computers.
3. Mở rộng thư mục OU **Marketing**.
4. Nhấp chuột phải lên người dùng Joe Smith và chọn Properties.
5. Mở chương trình Windows (Start\ Programs\ Accessories\ Windows Explorer).
6. Tạo một thư mục mới trên ổ D: có tên là UsersX (với X là số máy của bạn, ví dụ: d:\users1)
7. Nhấp chuột phải trên thư mục UsersX và chọn Sharing.



Nhập tên chia sẻ là **Users**.
Click **OK**.

8. Trong Windows Explorer, mở thư mục UsersX.
9. Hãy liệt kê các thư mục con của UsersX
10. Chuyển trở lại cửa sổ Properties window của Joe Smith.



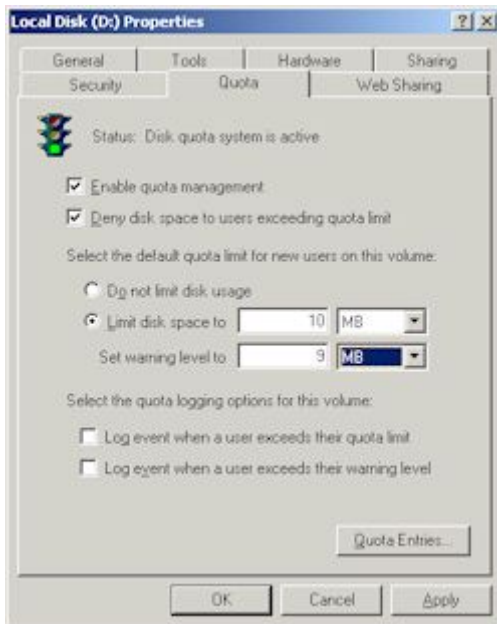
- Chọn thẻ **Profile**.
- Chọn **Connect** là **H:**, **To:** là \\TenServer\users\joe.smith
- Click **OK**.

11. Đóng Active Directory for Users and Computers.
12. Kiểm tra lại các thư mục con của thư mục D:\usersX
13. Truy cập đến thư mục con trong thư mục D:\usersX và hiển thị cửa sổ quyền trên thư mục này (nhấp chuột phải lên cửa sổ và chọn Properties, rồi chọn thẻ Security).
14. Ai có quyền Full Control trên thư mục con này?
15. Đóng Windows Explorer.
16. Đăng nhập vào miền với tài khoản Joe.Smith
17. Kiểm tra xem có ổ đĩa H: xuất hiện trong My Computer không?
18. Log off khỏi miền

Bài 25: Hạn ngạch đĩa (Disk Quotas)

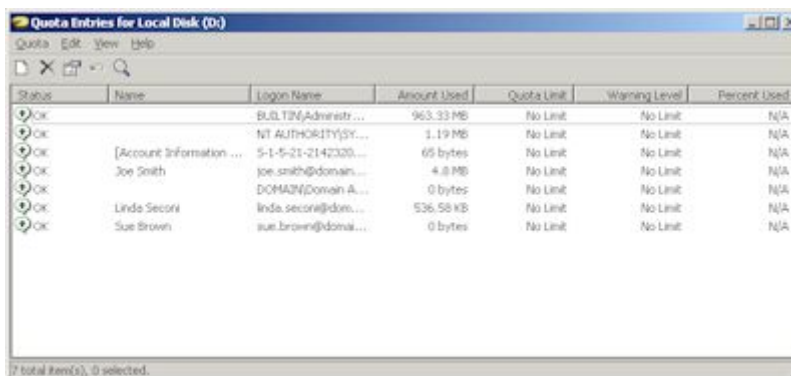
Trong bài tập này bạn sẽ thực hiện việc hạn chế không gian lưu trữ đĩa cho người dùng.

1. Đăng nhập vào miền với tài khoản Administrator.
2. Mở Windows Explorer. Nhấp chuột phải lên đĩa D và chọn **Properties**.
3. Chọn thẻ **Quota**.



- Chọn **Enable quota management**.
- Chọn **Deny disk space to users exceeding quota limit**.
- Đặt giới hạn không gian **Limit disk space to là 10MB**.
- Đặt mức báo động Set the **Set warning level là 9MB**.
- Double-click lên nút **Quota Entries**.

4. Một danh sách các mục hạn ngạch được hiển thị.



- Double-click lên mục từ của **Joe.Smith**

5. Đặt các thông số sau



- Chọn **Limit Disk Space to** và đặt giá trị là **10MB**.
- Chọn **Set warning level to** và đặt giá trị là **9MB**.
- Click **OK**.

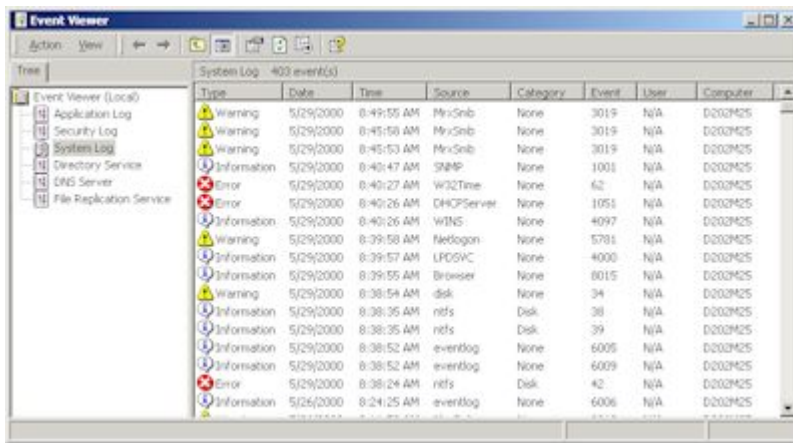
6. Đóng cửa sổ Quota Entries.
 7. Đóng cửa sổ Properties của ổ D.
 8. Đăng nhập vào miền với tài khoản Joe.Smith
 9. Truy cập đĩa H là thư mục người dùng của Joe.Smith.
 10. Mở thư mục C:\winnt.
 11. Copy tập tin surf.bmp sang đĩa H:
 14. Thực hiện việc copy này nhiều lần vào đĩa H: cho đến khi xuất hiện cảnh báo về tình trạng không gian lưu trữ.
 15. Xóa tập tin surf.bmp ra khỏi đĩa H:
-

Buổi 6: Theo dõi hệ thống

Bài 26: Xem sự kiện (Event Viewer)

Trong bài tập này bạn sẽ giám sát các sự kiện được tạo ra bởi server. Điều này thì quan trọng, bởi vì khi có một vấn đề xảy ra nó thường được ghi nhận lại trong các tập tin nhật ký của hệ thống. Tập tin nhật ký chính là nguồn tham khảo tốt để tìm kiếm những vấn đề trong cấu hình hệ thống hoặc trong vấn đề về truy cập.

1. Log on vào the server với tài khoản Administrator.
2. Thực thi chương trình Event Viewer bằng cách chọn Start\ Programs\ Administrative tools\ Event Viewer
3. Cửa sổ Event Viewer hiển thị các sự kiện hiện hành



4. Chọn System Log để hiển thị các sự kiện liên quan đến vấn đề hệ thống.
5. Click **View \ Filter** từ menu để chỉ xem các sự kiện thuộc loại có quan tâm

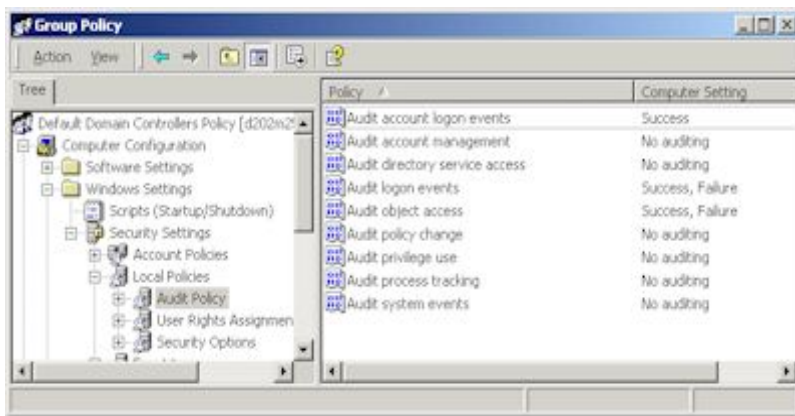


Bài 27: Bật chế độ kiểm toán cho server sử dụng Group Policy (Enable Auditing for the Server using Group Policies)

Trong bài tập này bạn sẽ xem xét việc đặt các kiểm toán trên các tài nguyên được chọn lựa nhờ đó những sự sử dụng và truy xuất đến chúng đều được theo dõi. Thông thường, nếu bạn thấy không thể giải quyết được những vấn đề về truy cập của người dùng hãy bật chế độ kiểm toán và xem lại các sự kiện kiểm toán sẽ giúp bạn xác định được nguyên nhân của vấn đề.

Bạn sẽ định nghĩa một Chính sách nhóm cho bộ điều khiển miền mà nó có chức năng kiểm toán

1. Log on vào server với tài khoản Administrator.
2. Thực thi chương trình Active Directory for Users and Computers. Mở thư mục của miền
3. Nhấp chuột phải lên miền và chọn Properties.
4. Mở chức năng kiểm toán bằng cách chọn: Computer Configuration \ Security Settings \ Local Policies \ Audit Policy.
5. Bật các sự kiện sau:

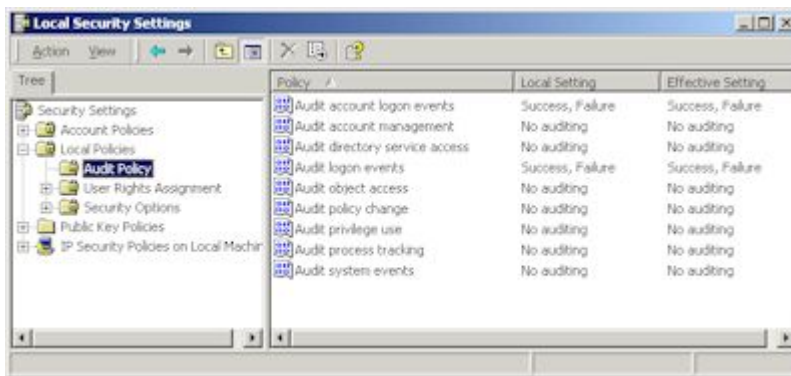


- Kiểm toán sự kiện đăng nhập thành công của các tài khoản
- Kiểm toán các sự kiện đăng nhập thành công hay thất bại
- Kiểm toán các sự kiện truy cập đến các đối tượng thành công hay thất bại

6. Đóng cửa sổ Group policy editor.
7. Click **OK** để đóng cửa sổ Domain Controller Properties.
8. Đóng Active Directory for Users and Computers.

Bài 28: Lập các chính sách an ninh cục bộ trên server để thực thi việc kiểm toán (Set the Local Security Policy on the Server to Enable Auditing)

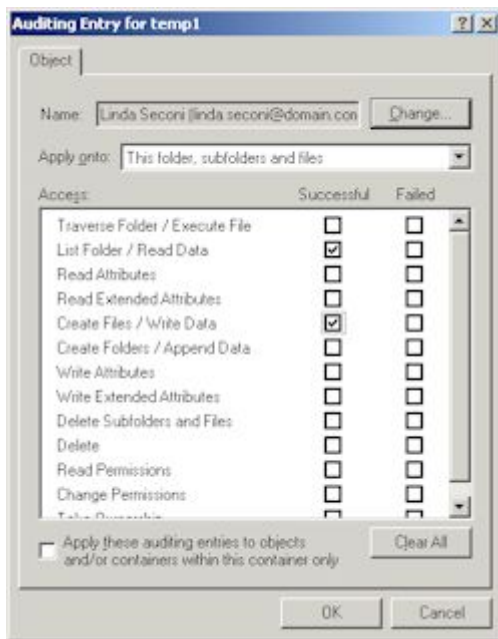
1. Log on vào server với tài khoản Administrator.
2. Click Start\ Programs\ Administrative Tools\ Local Security Policy.
3. Mở thư mục Local Security Settings \ Local Policies \ Audit Policy.
4. Bật các sự kiện sau:
 - Audit Account Logon events
 - Audit Logon Events
5. Nhấp chuột phải lên Security Settings, chọn **Reload**.



6. Đóng Local Security Settings.

Bài 29: Đặt chế độ kiểm toán ở cấp đối tượng tập tin (Set Auditing at the file object level)

1. Log on vào server với tài khoản Administrator.
2. Mở Windows Explorer và mở ổ đĩa D:
3. Nhấp chuột phải lên thư mục d:\tempX và chọn **Properties**. Click thẻ **Security**.
4. Click nút **Advanced**.
5. Click thẻ **Auditing**.
6. Click nút **Add**, và double-click lên **Linda.Seconi** để thêm tài khoản này.
7. Bật các tùy chọn sau:



List Folder/Read Data [success and failure]
Create Files/Write Data [success and failure]

8. Click **OK**.
9. Click **OK**.
10. Click **OK**.
11. Log off the server.

Bài 30: Truy cập các tài nguyên để tạo ra các sự kiện kiểm toán (Access the resource to generate the audit event)

Bài tập này thực hiện việc kiểm tra các sự kiện đã yêu cầu kiểm toán. Những gì bạn thực hiện trong bài tập trước là thiết lập một Chính sách nhóm cho bộ điều khiển miền. Kế đến bạn bật chế độ kiểm toán trên server bằng Local Security Policy. Kế tiếp bạn bật chế độ kiểm toán trên thư mục con D:\tempX. Lần này bạn sẽ đăng nhập và truy cập tài nguyên này vì thế các sự kiện kiểm toán sẽ được tạo ra.

1. Log on vào server computer với tài khoản Linda.Seconi
2. Truy cập thư mục d:\tempX
3. Tạo một tập tin văn bản tên Readme.txt và viết một vài câu trong đó. Lưu lại tập tin này.
4. Log off khỏi server.

Bài 31: Xem các sự kiện kiểm toán (View the audit events)

1. Đăng nhập vào server với tài khoản Administrator.
2. Thực thi chương trình Event Viewer truy cập đến Security log.
3. Chọn lọc các sự kiện : Security \ Object Access.
4. Xem các sự kiện đầu tiên thuộc kiểu 560.
5. Tên của đối tượng được mở ra của sự kiện kiểu 560 là gì?
6. Đóng Event Viewer.

Bài 32: Tắt chế độ kiểm toán (Disable Auditing)

1. Đăng nhập vào server với tài khoản Administrator.
2. Truy cập vào Group policy for the Domain Controllers và đổi Auditing thành No Auditing.
3. Mở Windows Explorer, nhấp chuột phải lên thư mục d:\tempX và chọn **Properties**.
4. Click thẻ **Security**.
5. Click nút **Advanced**.

6. Click thẻ **Auditing**.
7. Click **Remove**.
8. Click **OK**.
9. Click **OK**.
10. Đóng tất cả các cửa sổ.

Bài 33: Xóa nhật ký các sự kiện an ninh hệ thống (Clear the Security Log Events)

1. Đăng nhập vào server với tài khoản Administrator.
2. Mở Event Viewer và nhấp chuột phải lên **Security log**.
3. Chọn **Clear All Events**.
4. Chọn **NO** để không phải lưu lại.
5. Đóng.